

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG GIA SÚC HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**



---

Tháng 3 năm 2020

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28



## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Đại Phong	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Văn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Đạt Trung	Thành viên
Ông Trịnh Danh Nhưường	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Kiên	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Bùi Đại Phong	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đạt Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Danh Nhưường	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty bao gồm các vị như sau:

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Bùi Thị Ngọc Dung	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đặng Thành Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Vũ	Thành viên

#### **Đại diện theo pháp luật của Công ty**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Đại Phong - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Bùi Đại Phong**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc  
Ngày 19 tháng 03 năm 2020

Số: 031903/2020/BCKT-iCPA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Giống Gia súc Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Gia súc Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 19 tháng 03 năm 2020 từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 30 tháng 03 năm 2019 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1402-2019-072-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế**  
Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2020

**Nguyễn Phương Liên**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 4540-2018-072-01

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>60.717.464.742</b>	<b>35.933.782.463</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.516.171.986	14.287.035.219
1. Tiền	111		15.375.611.058	11.236.390.638
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.140.560.928	3.050.644.581
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.6	5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.076.668.561	11.423.309.990
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	15.104.264.956	7.882.328.898
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	4.052.381.605	3.612.378.092
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(79.978.000)	(71.397.000)
IV. Hàng tồn kho	140		14.104.624.195	10.006.337.254
1. Hàng tồn kho	141	V.7	14.104.624.195	10.006.337.254
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.000.000	217.100.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4a	-	217.100.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	20.000.000	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>172.409.469.996</b>	<b>170.602.391.742</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.524.186.100	15.524.186.100
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	15.524.186.100	15.524.186.100
II. Tài sản cố định	220		85.653.333.850	69.453.379.451
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	85.653.333.850	69.453.379.451
- Nguyên giá	222		109.950.076.258	89.500.757.704
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.296.742.408)	(20.047.378.253)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	15.851.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	15.851.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		70.020.000.000	85.072.016.600
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.5	70.020.000.000	85.072.016.600
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.211.950.046	536.958.591
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4b	1.211.950.046	536.958.591
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>233.126.934.738</b>	<b>206.536.174.205</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>107.834.891.086</b>	<b>95.730.092.228</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.718.126.481</b>	<b>22.413.327.623</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	17.159.747.550	10.393.578.275
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		325.583.000	402.003.120
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	850.170.552	1.323.665.776
4. Phải trả người lao động	314		596.103.128	223.048.100
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.572.046.325	2.963.539.392
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	13.597.456.666	5.873.310.000
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	500.000.000	1.000.000.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		96.025.000	201.397.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.994.260	32.785.960
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>72.116.764.605</b>	<b>73.316.764.605</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	72.116.764.605	73.316.764.605
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>125.292.043.652</b>	<b>110.806.081.977</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>114.181.952.203</b>	<b>110.312.540.014</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		110.100.000.000	110.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		110.100.000.000	110.100.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(49.773.384)	(49.773.384)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.131.725.587	262.313.398
- LNST chưa phân phối lũy kế năm trước	421a		262.313.399	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.869.412.188	262.313.398
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>11.110.091.449</b>	<b>493.541.963</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.16	4.030.210.355	493.541.963
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	V.17	7.079.881.094	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>233.126.934.738</b>	<b>206.536.174.205</b>

Nguyễn Thị Phương Linh  
 Người lập biểu

Nguyễn Thế Ân  
 Kế toán trưởng



Bùi Đại Phong  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
 Kiểm Tổng Giám đốc  
 Ngày 19 tháng 03 năm 2020



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		60.407.306.928	49.019.365.425
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	60.407.306.928	49.019.365.425
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	55.921.502.441	48.849.483.042
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.485.804.487	169.882.383
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.430.621.193	180.754.818
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.774.272.370	4.026.038.977
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.234.996.882	4.026.038.977
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.080.502.149	4.104.514.098
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.061.651.161	(7.779.915.874)
11. Thu nhập khác	31		5.223.897.405	13.016.235.446
12. Chi phí khác	32		2.416.136.378	3.192.299.538
13. Lợi nhuận khác	40		2.807.761.027	9.823.935.908
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.869.412.188	2.044.020.034
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	-	26.144.312
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.869.412.188	2.017.875.722
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	351	170
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		351	170



Nguyễn Thị Phương Linh  
 Người lập biểu



Nguyễn Thế Ân  
 Kế toán trưởng



Bùi Đại Phong  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
 kiêm Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	50.269.526.553	34.675.325.074
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(67.918.117.469)	(27.392.199.117)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.198.606.106)	(9.614.445.103)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(124.380.134)	(220.250.430)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(46.144.312)	(196.023.192)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	54.391.483.939	28.225.432.623
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.887.814.242)	(50.175.254.767)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>3.485.948.229</b>	<b>(24.697.414.912)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(583.836.000)	(8.696.987.801)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.756.881.840	1.313.174.720
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(8.600.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	52.016.600	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.218.126.098	164.045.928
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>6.443.188.538</b>	<b>(15.819.767.153)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	8.100.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	21.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.700.000.000)	(1.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.700.000.000)</b>	<b>28.100.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>8.229.136.767</b>	<b>(12.417.182.065)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>14.287.035.219</b>	<b>26.704.217.284</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>22.516.171.986</b>	<b>14.287.035.219</b>

  
 Nguyễn Thị Phương Linh  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Thế Ân  
 Kế toán trưởng



  
 Bùi Đại Phong  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
 kiêm Tổng Giám đốc  
 Ngày 19 tháng 03 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Giống gia súc Hà Nội theo Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100114145 thay đổi lần thứ 7 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 02 năm 2019.

Công ty có vốn điều lệ là 110.100.000.000 đồng tương ứng với 11.010.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng 1 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 108 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 95 người).

**Hoạt động chính**

- Chăn nuôi trâu, bò; Chăn nuôi lợn; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi. Chi tiết: Các hoạt động liên quan đến thụ tinh nhân tạo; Sản xuất và lưu trữ tinh trùng bò, lợn; Sản xuất và lưu trữ phôi bò; Sản xuất và lưu trữ trứng giống;
- Chế biến sữa và các hoạt động từ sữa; Hoạt động thú y (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Phá dỡ; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Xây dựng công trình công ích; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật khác có liên quan;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. Chi tiết: chế biến và đóng hộp thịt; giết, mổ, đóng gói, bảo quản thịt trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa, thỏ, các loại gia cầm, lạc đà...; sản xuất thịt ướp lạnh, đông lạnh, thịt tươi dạng tấm, cắt nhỏ hoặc từng phần riêng; Chế biến, bảo quản thủy sản; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, tùy thuộc vào các sản phẩm của Công ty.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Công ty có 01 đơn vị hạch toán độc lập là Xí nghiệp Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội. Trụ sở đặt tại Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Giống gia súc Hà Nội theo Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100114145 thay đổi lần thứ 7 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 02 năm 2019.

Công ty có vốn điều lệ là 110.100.000.000 đồng tương ứng với 11.010.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng 1 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 108 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 95 người).

**Hoạt động chính**

- Chăn nuôi trâu, bò; Chăn nuôi lợn; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi. Chi tiết: Các hoạt động liên quan đến thụ tinh nhân tạo; Sản xuất và lưu trữ tinh trùng bò, lợn; Sản xuất và lưu trữ phôi bò; Sản xuất và lưu trữ trứng giống;
- Chế biến sữa và các hoạt động từ sữa; Hoạt động thú y (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Phá dỡ; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Xây dựng công trình công ích; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật khác có liên quan;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. Chi tiết: chế biến và đóng hộp thịt; giết, mổ, đóng gói, bảo quản thịt trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa, thỏ, các loại gia cầm, lạc đà...; sản xuất thịt ướp lạnh, đông lạnh, thịt tươi dạng tấm, cắt nhỏ hoặc từng phần riêng; Chế biến, bảo quản thủy sản; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, tùy thuộc vào các sản phẩm của Công ty.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Công ty có 01 đơn vị hạch toán độc lập là Xí nghiệp Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội. Trụ sở đặt tại Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

<u>Tên Công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết năm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Đình	Hà Nội	20%	20%	Xây dựng, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Hà Nội	20%	20%	Xây dựng, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền giống Gia súc	Hà Nội	25%	25%	Chăn nuôi lợn

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ công trình xây dựng tại doanh nghiệp" và các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định là đàn bò và đàn lợn được theo dõi riêng từng đàn theo năm và theo số hiệu gắn trên tai.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị quản lý	06 - 10
Đàn gia súc	04 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	10

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	34.120.311	492.133.456
Tiền gửi ngân hàng	15.341.490.747	10.744.257.182
Các khoản tương đương tiền (*)	7.140.560.928	3.050.644.581
<b>Cộng</b>	<b>22.516.171.986</b>	<b>14.287.035.219</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Tây Hà Nội và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Từ Liêm kỳ hạn từ 01 - 03 tháng với lãi suất 5,0% - 5,2%/năm.

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Sở Nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội	5.789.098.200	3.743.634.250
Công ty CP Xây dựng thủy lợi và thương mại Thăng Long	2.973.471.950	2.171.291.000
Công ty CP dịch vụ và truyền giống gia súc	4.412.120.200	-
Trung tâm phát triển nông nghiệp Hà Nội	310.366.000	-
Công ty TNHH XNK Thương mại và dịch vụ Đại Dương	290.000.000	-
Trường Đại học nông nghiệp Hà Nội	153.552.000	-
Chi cục đề điều và phòng chống lụt bão Hà Nội	145.852.726	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Quang Minh	586.201.000	-
Ông Vũ Văn Thực - bán sữa	-	47.064.000
Các khách hàng khác	443.602.880	1.920.339.648
<b>Cộng</b>	<b>15.104.264.956</b>	<b>7.882.328.898</b>
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	4.478.219.180	178.778.188

**3. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu khác ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	702.500.000	140.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ ký cược ngắn hạn	290.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	212.495.095	-
Phải thu ngắn hạn khác (*)	2.847.386.510	3.472.378.092
<b>Cộng</b>	<b>4.052.381.605</b>	<b>3.612.378.092</b>
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>		
Đầu tư dự án Khu nhà ở tại Kiều Kỵ (**)	15.524.186.100	15.524.186.100
<b>Cộng</b>	<b>15.524.186.100</b>	<b>15.524.186.100</b>

(\*) Khoản phải thu khác chủ yếu là phải thu tiền cho thuê, cho khai thác cơ sở hạ tầng, đất nhận rồi của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**3. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác (Tiếp theo)**

(\*\*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Giống gia súc Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội), Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty TNHH Vườn sinh thái Long Biên đã được công chứng ngày 28 tháng 12 năm 2010 tại Văn phòng Công chứng Lạc Việt 18 Văn Cao, Ba Đình, Hà Nội, các bên đồng ý hợp tác bằng việc cùng góp vốn đầu tư xây dựng và khai thác, kinh doanh một khu nhà ở để bán trên khu đất diện tích 171.124 m<sup>2</sup> hiện đang thuộc quyền quản lý sử dụng của Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội tại xã Kiêu Kỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Theo thỏa thuận, Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội góp vốn bằng lợi thế thương mại, hạ tầng của khu đất tương đương 20% vốn góp của dự án. Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty TNHH Vườn sinh thái Long Biên góp bằng tiền và giá trị công việc đã thực hiện với tỷ lệ lần lượt là 70% và 10%. Các bên sẽ được phân chia lợi nhuận sau thuế của dự án theo tỷ lệ vốn góp. Theo Công văn số 415/CV/GGS-ĐT ngày 26 tháng 9 năm 2011, các bên liên danh trong hợp đồng hợp tác đầu tư đã gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội về việc cam kết hoàn trả toàn bộ chi phí hạ tầng mà Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội đã đầu tư với số tiền là 15.524.186.100 đồng ngay sau khi Dự án trên được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt.

**4. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	217.100.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>217.100.000</b>
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ chăn nuôi xuất dùng phân bổ từ 02 đến 03 năm	1.211.950.046	536.958.591
<b>Cộng</b>	<b>1.211.950.046</b>	<b>536.958.591</b>

**5. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	1.500.000.000		1.552.016.600	
Công ty Cổ phần Giống gia súc Việt Nam	-		15.000.000.000	
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Đình	28.520.000.000		28.520.000.000	
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân	40.000.000.000		40.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>70.020.000.000</b>	<b>(*)</b>	<b>85.072.016.600</b>	<b>(*)</b>

(\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, do các Công ty liên kết này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời, do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG GIA SÚC HÀ NỘI  
Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-

(\*) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội.

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.470.817.721	-	746.483.791	-
Công cụ, dụng cụ	54.476.896	-	81.280.545	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.232.021.992	-	7.908.830.728	-
Thành phẩm	2.347.307.586	-	1.269.742.190	-
Cộng	14.104.624.195	-	10.006.337.254	-

**8. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Hitaco	125.215.200	62.607.600	125.215.200	87.650.200
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Gia Long	-	-	68.635.000	48.044.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển thủy lợi Hà Nội	-	-	18.916.000	5.675.000
Xí nghiệp Cầu 18. Cienco 1	57.900.000	40.530.000	-	-
Cộng	183.115.200	103.137.600	212.766.200	141.369.200
				37.565.000
				20.591.000
				13.241.000
				71.397.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		Đàn gia súc		Tổng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>											
Số dư đầu năm	63.861.761.004	18.293.435.700	2.891.620.000	202.891.000	4.251.050.000						<b>89.500.757.704</b>
Mua trong năm	166.014.000	4.019.546.000	-	-	-	-	-	-	-	-	4.185.560.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	363.000.000	15.851.000	-	-	2.797.083.600	-	-	-	-	-	378.851.000
Tăng dần do chuyển nhượng	-	-	-	-	-	-	-	-	2.797.083.600	-	2.797.083.600
Tăng khác (i)	7.131.958.232	497.875.202	-	-	4.597.500.000	-	-	-	4.597.500.000	-	12.227.333.434
Nhận tài trợ (ii)	-	4.885.645.000	-	-	-	-	-	-	2.600.000.000	-	7.485.645.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-	-	(5.771.010.920)	-	(5.771.010.920)
Giảm khác	(254.143.560)	-	-	-	-	-	-	-	(600.000.000)	-	(854.143.560)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>71.268.589.676</b>	<b>27.712.352.902</b>	<b>2.891.620.000</b>	<b>202.891.000</b>	<b>7.874.622.680</b>						<b>109.950.076.258</b>

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số dư đầu năm	13.633.788.304	3.817.456.740	1.078.577.334	94.104.799	1.423.451.076						<b>20.047.378.253</b>
Khấu hao trong năm	3.316.234.576	1.335.451.557	220.512.000	26.167.671	694.626.991						5.592.992.795
Khấu hao từ TSCĐ nhận tài trợ	-	122.141.126	-	-	277.777.777						399.918.903
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(1.575.626.079)						(1.575.626.079)
Giảm khác	(167.921.464)	-	-	-	-						(167.921.464)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.782.101.416</b>	<b>5.275.049.423</b>	<b>1.299.089.334</b>	<b>120.272.470</b>	<b>820.229.765</b>						<b>24.296.742.408</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Số dư đầu năm	50.227.972.700	14.475.978.960	1.813.042.666	108.786.201	2.827.598.924						<b>69.453.379.451</b>
Số dư cuối năm	54.486.488.260	22.437.303.479	1.592.530.666	82.618.530	7.054.392.915						<b>85.653.333.850</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**  
 Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội

Mẫu số B.09 - DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

- (i) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 03/NQ-HĐQT Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội ngày 14 tháng 10 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc chấm dứt hợp tác đầu tư của Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội tại Công ty Cổ phần Giống gia súc Việt Nam kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2019. Theo đó, Công ty đã nhận lại bản giao tài sản cố định, công cụ dụng cụ theo biên bản bàn giao ngày 31 tháng 10 năm 2019 từ Công ty Cổ phần Giống gia súc Việt Nam.
- (ii) Theo Quyết định số 1693/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 6 tháng 4 năm 2018 và Quyết định số 2287/QĐ-SNN&PTNT của Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Hà Nội ngày 22 tháng 11 năm 2018, Công ty sẽ được nhận tài trợ 01 dây chuyền sản xuất tinh lợn nhân tạo khép kín mới 100% và 26 con lợn đực giống từ Ban Quản lý dự án Lifsap. Công ty đã ghi nhận tăng tài sản cố định hữu hình theo Thông báo số 83/TB-LIFSAP của Ban quản lý dự án Lifsap thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội ngày 29 tháng 07 năm 2019.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.095.378.666 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.253.746.666 đồng).

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền giống gia súc	-	-	526.716.710	526.716.710
Công ty TNHH XNK Thương mại và Dịch vụ Đại Dương	4.515.660.000	4.515.660.000	614.983.400	614.983.400
Công ty Cổ phần Nam Việt	-	-	7.523.870.366	7.523.870.366
Công ty Cổ phần Hóa chất Đứơc Giang	-	-	982.162.500	982.162.500
Công ty TNHH ĐT và PT Nam Thái	7.502.590.300	7.502.590.300	-	-
Công ty TNHH MTV Bảo Linh	1.095.250.000	1.095.250.000	-	-
Cty TNHH Boss Việt Nam	882.550.000	882.550.000	-	-
Các khách hàng khác	3.163.697.250	3.163.697.250	745.845.299	745.845.299
<b>Cộng</b>	<b>17.159.747.550</b>	<b>17.159.747.550</b>	<b>10.393.578.275</b>	<b>10.393.578.275</b>
	-	-	<b>526.716.710</b>	<b>526.716.710</b>

**Trong đó: phải trả các bên liên quan**  
 (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG GIA SÚC HÀ NỘI**  
 Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>								
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.000.000	-	-	20.000.000	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>b) Các khoản phải trả</b>								
Thuế giá trị gia tăng	808.415.879	2.805.604.122	-	3.254.141.571	26.144.312	26.144.312	26.144.312	1.256.953.328
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.754.673	60.681.471	-	59.494.934	59.494.934	59.494.934	40.568.136	40.568.136
Thuế thu nhập cá nhân	850.170.552	2.866.285.593	-	3.339.780.817	3.339.780.817	3.339.780.817	1.323.665.776	1.323.665.776
<b>Cộng</b>	<b>850.170.552</b>	<b>2.866.285.593</b>	<b>-</b>	<b>3.339.780.817</b>	<b>3.339.780.817</b>	<b>3.339.780.817</b>	<b>1.323.665.776</b>	<b>1.323.665.776</b>

**12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cho thuê nhà xưởng tại văn phòng	4.000.000	22.181.818
Cho thuê nhà xưởng tại xí nghiệp	2.568.046.325	2.941.357.574
<b>Cộng</b>	<b>2.572.046.325</b>	<b>2.963.539.392</b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	52.211.168	53.040.774
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	234.059	4.163.658
Lãi vay phải trả	9.960.614.631	3.825.497.883
Dự án BBB điều chỉnh	2.012.800.002	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.571.596.806	1.990.607.685
<b>Cộng</b>	<b>13.597.456.666</b>	<b>5.873.310.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**14. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Phân loại từ vay dài hạn sang vay ngắn hạn đến hạn trả	500.000.000	500.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>			<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
Vay dài hạn						
Ông Nguyễn Đình Công	72.616.764.605	72.616.764.605	-	1.700.000.000	-	74.316.764.605
Bà Phan Thanh Hoa	100.000.000	100.000.000	-	-	-	100.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Từ Liêm (i)	-	-	-	700.000.000	-	700.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (ii)	500.000.000	500.000.000	-	1.000.000.000	-	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Anh (iii)	42.496.764.605	42.496.764.605	-	-	-	42.496.764.605
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư P.H (iii)	20.960.000.000	20.960.000.000	-	-	-	20.960.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư P.H (iii)	8.560.000.000	8.560.000.000	-	-	-	8.560.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>(500.000.000)</b>	<b>(500.000.000)</b>				<b>(1.000.000.000)</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Từ Liêm	(500.000.000)	(500.000.000)				(1.000.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>72.116.764.605</b>	<b>72.116.764.605</b>				<b>73.316.764.605</b>

(i) Vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Từ Liêm theo hợp đồng tín dụng số 3100LAV-2017-01353 ngày 31 tháng 05 năm 2017. Tổng tiền vay tối đa là 5 tỷ đồng. Công ty sử dụng tiền vay để mua máy móc, thiết bị của dự án "Dự án trạm thụ tinh nhân tạo sản xuất tinh bột chất lượng cao tại xã Phú Đồng, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội". Thời hạn vay là 36 tháng từ ngày 31 tháng 05 năm 2017. Kỳ hạn trả nợ gốc 3 tháng 1 lần, mỗi lần 250 triệu đồng. Lãi trả theo tháng vào ngày cuối tháng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 9,2%/ năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi gốc. Công ty sử dụng ô tô Toyota biển kiểm soát 30E-577.71 và toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị kiểm tra khai thác đóng gói sản xuất tinh trùng bò dạng cọng rạ thể chấp cho khoản vay này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**  
 Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**14. Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)**

Khoản vay của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings theo hợp đồng số 01/2019/PH-GGS ngày 7 tháng 1 năm 2019 và công văn số 127/2020/PH-BTGD ngày 16 tháng 03 năm 2020, khoản vay này chịu lãi suất trong năm 2019 là 14%/năm. Công ty sử dụng tiền vay để đầu tư vào dự án X3. Khoản vay này sẽ được hoàn trả khi việc đầu tư dự án X3 được hoàn thành xong nội dung quyết toán và phân chia thành quả của dự án theo tỷ lệ tham gia.

Vay theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 263/2015/HĐHTĐT ngày 20 tháng 6 năm 2015 giữa Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội), Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Anh và Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư P.H để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở tại khu đất có diện tích khoảng 24.000 m<sup>2</sup> tại tổ 15 phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Anh và Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư P.H sẽ hỗ trợ phần vốn góp vào dự án nêu trên để thực hiện dự án. Khoản vay này sẽ được hoàn trả khi việc đầu tư dự án được hoàn tất và phân chia thành quả của dự án theo tỷ lệ tham gia đã được các bên thống nhất tại hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên.

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>102.000.000.000</b>	<b>28.811.560</b>	<b>15.192.579.381</b>	<b>(1.755.562.324)</b>	<b>115.465.828.617</b>
Vốn góp tăng trong năm	8.100.000.000	(78.584.944)	-	-	8.021.415.056
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	2.017.875.722	2.017.875.722
Giảm khác	-	-	(15.192.579.381)	-	(15.192.579.381)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>110.100.000.000</b>	<b>(49.773.384)</b>	<b>-</b>	<b>262.313.398</b>	<b>110.312.540.014</b>
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	3.869.412.189	3.869.412.189
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>110.100.000.000</b>	<b>(49.773.384)</b>	<b>-</b>	<b>4.131.725.587</b>	<b>114.181.952.203</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
UBND thành phố Hà Nội	66.389.000.000	66.389.000.000
Các cổ đông khác	43.711.000.000	43.711.000.000
<b>Cộng</b>	<b>110.100.000.000</b>	<b>110.100.000.000</b>

**c) Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.010.000	11.010.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.010.000	11.010.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.010.000	11.010.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.010.000	11.010.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.010.000	11.010.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**16. Nguồn kinh phí**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Nguồn kinh phí đầu năm</b>	<b>493.541.963</b>	<b>5.946.458.100</b>
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	41.812.693.000	7.682.993.000
Chi sự nghiệp	38.276.024.608	13.135.909.137
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>4.030.210.355</b>	<b>493.541.963</b>

**17. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Nguồn kinh phí đầu năm</b>	-	-
Nguồn kinh phí nhận được trong năm (i)	8.079.800.000	-
Nguồn kinh phí giảm trong năm	999.918.903	-
- Khấu hao TSCĐ nhận được từ nguồn kinh phí	399.918.903	-
- Giảm khác (ii)	600.000.000	-
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>7.079.881.097</b>	-

- (i) Theo Quyết định số 1693/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 6 tháng 4 năm 2018 và Quyết định số 2287/QĐ-SNN&PTNT của Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Hà Nội ngày 22 tháng 11 năm 2018, Công ty sẽ được nhận tài trợ 01 dây chuyền sản xuất tinh lợn nhân tạo khép kín mới 100% và 26 con lợn đực giống từ Ban Quản lý dự án Lifsap với tổng số tiền là 8.079.800.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**17. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định (Tiếp theo)**

(ii) Trong năm 2019, Công ty được nhận 6 con lợn đực giống từ Ban Quản lý dự án Lifsap. Trong quá trình nuôi dưỡng chậm lớn, sinh trưởng kém mặc bệch, đã điều trị tiên lượng kém. Để tránh lây lan trong đàn công ty đã chôn, hủy để đảm bảo công tác phòng chống bệnh cho đàn lợn khác.

**18. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm. Toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều phát sinh tại Hà Nội. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được phân làm các phòng, ban và chỉ quản lý hoạt động chăn nuôi bò, lợn cùng hoạt động xây dựng. Trong năm, doanh thu từ hoạt động xây dựng chiếm 10,79%. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>60.407.306.928</b>	<b>49.019.365.425</b>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	41.409.207.485	28.120.248.255
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng	11.968.583.813	10.639.415.806
Doanh thu hợp đồng xây lắp	6.517.675.630	9.746.146.364
Doanh thu trợ giá	511.840.000	513.555.000
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>60.407.306.928</b>	<b>49.019.365.425</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)</i>	<b>7.357.866.360</b>	<b>4.611.145.984</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	38.401.141.136	29.885.361.426
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng	10.961.872.662	9.007.224.132
Giá vốn hợp đồng xây lắp	6.558.488.643	9.956.897.484
<b>Cộng</b>	<b>55.921.502.441</b>	<b>48.849.483.042</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	506.621.193	180.754.818
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.924.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.430.621.193</b>	<b>180.754.818</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	6.234.996.882	4.026.038.977
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	1.539.275.488	-
<b>Cộng</b>	<b>7.774.272.370</b>	<b>4.026.038.977</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.029.535.499	2.518.721.535
Chi phí đồ dùng văn phòng	142.993.462	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	391.470.505	391.844.845
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	71.397.000
Thuế, phí và lệ phí	70.190.300	65.525.864
Các khoản chi phí quản lý khác	1.446.312.383	1.057.024.854
<b>Cộng</b>	<b>5.080.502.149</b>	<b>4.104.514.098</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch đánh giá tài sản góp vốn	-	5.343.568.566
Cho thuê mặt bằng	5.189.897.405	7.031.695.440
Các khoản thu dịch vụ khác	34.000.000	640.971.440
<b>Cộng</b>	<b>5.223.897.405</b>	<b>13.016.235.446</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**7. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.689.128.623	1.229.047.499
Các khoản phạt vi phạm hành chính	86.712	99.853.336
Các khoản chi phí dịch vụ khác	726.921.043	1.863.398.703
<b>Cộng</b>	<b>2.416.136.378</b>	<b>3.192.299.538</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.869.412.188	2.044.020.034
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận theo kế toán	(8.924.000.000)	(1.913.298.474)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	99.853.336
Chi phí không được trừ	-	99.853.336
Các khoản điều chỉnh giảm	8.924.000.000	2.013.151.810
Chuyển lỗ	-	2.013.151.810
Cổ tức nhận được từ công ty liên kết trong năm	8.924.000.000	-
<b>Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(5.054.587.812)</b>	<b>130.721.560</b>
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	-	26.144.312
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>26.144.312</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.869.412.188	2.017.875.722
Các khoản điều chỉnh giảm	-	201.787.572
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	201.787.572
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.869.412.188</b>	<b>1.816.088.150</b>
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	11.010.000	10.663.808
<b>Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>351</b>	<b>170</b>

Công ty chưa thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2019, do đó lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay chưa được điều chỉnh phần quỹ khen thưởng phúc lợi (nếu có).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.827.331.596	25.488.516.809
Chi phí nhân công	18.322.218.883	10.164.865.189
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.592.992.795	6.999.347.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.027.428.994	9.218.770.623
Chi phí khác bằng tiền	3.546.215.949	2.810.824.260
<b>Cộng</b>	<b>64.316.188.217</b>	<b>54.682.324.596</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
UBND thành phố Hà Nội	Cổ đông lớn
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	Công ty liên kết
Công ty CP Nhà Mỹ Đình	Công ty liên kết
Công ty CP Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	Công ty liên kết

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán hàng</b>	<b>7.357.866.360</b>	<b>4.611.145.984</b>
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	5.698.750.000	4.167.432.604
Công ty CP Giống gia súc Việt Nam	1.659.116.360	443.713.380
<b>Mua hàng</b>	<b>5.623.280.000</b>	<b>5.287.814.710</b>
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	5.623.280.000	5.287.814.710
<b>Nhận cổ tức</b>	<b>8.924.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân Hà Nội	8.924.000.000	-

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính 2019:*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>4.478.219.180</b>	<b>178.778.188</b>
Công ty CP Giống gia súc Việt Nam	66.098.980	178.778.188
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	4.412.120.200	-
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>526.716.710</b>
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	-	526.716.710

*Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương, thưởng và thù lao	949.915.500	707.543.000
<b>Cộng</b>	<b>949.915.500</b>	<b>707.543.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**3. Số liệu so sánh**

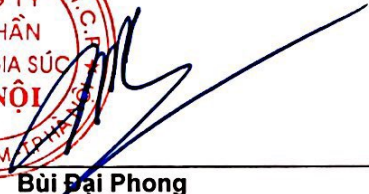
Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thị Phương Linh  
Người lập biểu



Nguyễn Thế Ân  
Kế toán trưởng



Bùi Đại Phong  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc  
Ngày 19 tháng 03 năm 2020